TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 06/5/2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 20/12/2018, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST-DS ngày 17/4/2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 10/2019/TB-TA ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N,

Trụ sở tại: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phước H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thị xã G, tỉnh Đắk Nông là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản số 510/QĐ/HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên);

Địa chỉ: Số 49 Đ, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T,

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Đức T1; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Bà Vũ Thị Bích H; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thị xã Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng N (Ngân hàng) trình bày:

Bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T có vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh thị xã G, cụ thể tại các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013, số tiền vay 200.000.000đ, lãi suất 11%/năm, trả lãi tiền vay kỳ hạn 06 tháng một lần, có quy định về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 09/4/2014. Mục đích vay để buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013, số tiền vay 150.000.000đ, lãi suất 13,5%/năm, trả lãi tiền vay kỳ hạn 06 tháng một lần, có quy định về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 09/5/2014. Mục đích vay để tiêu dùng gia đình.

Để đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng trên, ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L đã thế chấp tài sản là các quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp số 7162/TC ngày 09/4/2013, cụ thể:

1. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234189, thửa số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 1000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.
2. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, thửa số 48, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.092m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 07/5/2009 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.
3. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234188, thửa số 59, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Sau đó ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L cùng Ngân hàng N đã xử lý 01 tài sản thế chấp là thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, hiện tại tài sản thế chấp cho hai khoản vay là giấy chứng nhận số AM 234189 và giấy chứng nhận số AM 234188.

Về việc trả nợ:

- Đối với khoản vay 200.000.000đ, đã thu gốc 152.320.000đ, thu lãi là 11.244.445đ. Tính đến ngày 06/5/2019, nợ gốc còn 47.680.000đ, lãi suất trong hạn là 89.359.343đ, lãi suất quá hạn là 33.557.449đ (tổng lãi tính đến ngày 06/5/2019 122.916.792đ trừ đi số lãi đã trả là 11.244.445đ) còn lại lãi là 111.672.348đ. Như vậy, tổng nợ cho khoản vay này là 159.352.348đ.
- Đối với khoản vay 150.000.000đ, đã thu gốc 4.016.000đ, thu lãi 10.350.000đ. Tính đến ngày 06/5/2019, nợ gốc còn 145.984.000đ, nợ lãi trong hạn là 119.029.312đ, nợ lãi quá hạn là 48.922.990đ, trừ đi số tiền đã trả còn lại lãi là 119.029.312đ+ 48.922.990đ)- 10.350.000đ = 157.602.302đ, tổng nợ cho khoản vay này là 303.586.302đ.

Hiện nay hai khoản vay của hai hợp đồng tín dụng đã quá hạn trả nợ rất lâu

nhưng ông T, bà L cố tình vi phạm hợp đồng, không trả nợ như cam kết. Ông bà bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ liên lạc nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng N và phát triển nông thôn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc còn nợ và lãi suất như đã trình bày. Trong trường hợp ông bà cố tình không trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T:

Tại Biên bản xác minh ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân thị xã Gia Nghĩa tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đăk Nông thì bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ nhưng khoảng 2 năm trở lại đây bà L, ông T đi khỏi địa phương không thông báo tạm vắng.

Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải và các thủ tục khác theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà L, ông T vẫn không đến làm việc nên không có lời khai của bà L, ông T trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đức T1 và bà Vũ Thị Bích H trình bày:

Thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234189, thửa số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 1000m^2 và thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, thửa số 48, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.092m^2 mà UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L do gia đình bà H, ông T1 vẫn sử dụng ổn định từ năm 2000 đến nay. Việc bà L đem tài sản là quyền sử dụng của hai thửa đất đi thế chấp là sai, tuy nhiên nay bà H và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

Biên bản xác minh ngày 24/10/2018 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G thể hiện: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, thửa số 48, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.092m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 07/5/2009 và quyền sử dụng đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234188, thửa số 59, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông, kể từ ngày 11/4/2013 đến nay, ngoài việc thế chấp khoản vay tại Ngân hàng N và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã G thì quyền sử dụng đất nêu trên không thực hiện giao dịch nào khác.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2019, xác định trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.000m^2 hiện tại do ông Vũ Đức T1 và bà Vũ Thị Bích H sử dụng có nhà ở và cây trồng trên đất nhưng ông T1 không đồng ý đo đạc và không chỉ mốc giới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp

luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 33, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N.

- Buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả tổng số tiền 159.352.348đ của hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013, trong đó nợ gốc 47.680.000đ, lãi suất tính đến ngày 06/5/2019 là 111.672.348đ.
- Buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả tổng nợ cho khoản vay của hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013 là 303.586.302đ, trong đó nợ gốc 145.984.000đ, nợ lãi tính đến ngày 06/5/2019 là 157.602.302đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp***: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả số tiền vay theo hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013 và Hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013. Bà L, ông T có nơi cư trú cuối cùng tại xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T và ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N phát triển nông thôn Việt Nam xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Xét yêu cầu của Ngân hàng N:***

- Hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013, số tiền vay 200.000.000đ, lãi suất 11%/năm, trả lãi tiền vay kỳ hạn 06 tháng một lần, có quy định về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 09/4/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T, ông L đã nhận đủ tiền. Đã thu gốc 152.320.000đ, thu lãi là 11.244.445đ. Tính đến ngày 06/5/2019, nợ gốc còn 47.680.000đ, lãi suất trong hạn là 89.359.343đ, lãi suất quá hạn là 33.557.449đ (tổng lãi tính đến ngày 06/5/2019 122.916.792 trừ đi số lãi đã trả là 11.244.445đ) còn lại lãi là 111.672.348đ. Như vậy, tổng nợ cho khoản vay này là 159.352.348đ.
- Hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013, số tiền vay 150.000.000đ, lãi suất 13,5%/năm, trả lãi tiền vay kỳ hạn 06 tháng một lần, có quy định về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 09/5/2014. Đã thu gốc 4.016.000đ, thu lãi 10.350.000đ. Tính đến ngày 06/5/2019, nợ gốc còn 145.984.000đ, nợ lãi trong hạn là 119.029.312đ, nợ lãi quá hạn là 48.922.990đ, trừ đi số tiền đã trả còn lại lãi là 119.029.312đ+ 48.922.990đ- 10.350.000đ = 157.602.302đ,

tổng nợ cho khoản vay này là 303.586.302đ.

Như vậy tổng số tiền ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng N và phát triển nông thôn là **462.938.650đ**.

Tiếp tục tính lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013 và hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013 cho đến khi ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L thi hành án xong các khoản tiền nợ.

Để đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng trên, ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L đã thế chấp tài sản là các quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp số 7162/TC ngày 09/4/2013, cụ thể:

1. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234189, thửa số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 1000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, thửa số 48, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.092m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 07/5/2009 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234188, thửa số 59, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Sau đó ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L cùng Ngân hàng N đã xử lý 01 tài sản thế chấp là thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, hiện tại tài sản thế chấp cho hai khoản vay là giấy chứng nhận số AM 234189 và giấy chứng nhận số AM 234188. Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234189, thửa số 60 do đã xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hợp đồng thế chấp 7162/TC ngày 09/4/2013, bản chất của hợp đồng là giao dịch bảo đảm tài sản vay 350.000.000đ của hai hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013 và Hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013, việc đăng ký giao dịch đúng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp này có hiệu lực. Vì vậy, trường hợp bà L, ông T không trả được khoản nợ đã vay thì phát mãi tài sản bà L, ông T đã thế chấp để thu hồi khoản nợ vay cùng lãi suất phát sinh của hai hợp đồng trên là phù hợp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Về án phí:

Bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 462.938.650đ là: 20.000.000đ + (4%x62.938.650đ) = 22.517.546đ. Làm tròn số là 22.518.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 342, Điều 355, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N.

Buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả tổng số tiền **462.938.650đ** (bốn trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng) bao gồm: Số tiền 159.352.348đ đối với Hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013(trong đó nợ gốc là 47.680.000đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/5/2019 là 111.672.348đ); số tiền 303.586.302đ đối với Hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013 (trong đó nợ gốc là 145.984.000đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/5/2019 là 157.602.302đ) cho Ngân hàng N chi nhánh thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tiếp tục tính lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng số 5307LAV201300224 ngày 11/4/2013 và hợp đồng số 5307LAV201300225 ngày 11/4/2013 cho đến khi ông Lê Thái T và bà Vũ Thị Bích L thi hành án xong các khoản tiền nợ.

Trường hợp Ngân hàng N thì phát mãi tài sản bảo đảm của bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T theo hợp Hợp đồng thế chấp 7162/TC ngày 09/4/2013, để thu hồi số tiền **462.938.650đ** (bốn trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng), tài sản thế chấp bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AP 070310, thửa số 48, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.092m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 07/5/2009 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận số AM 234188, thửa số 59, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.000m^2 do UBND thị xã G cấp cho bà Vũ Thị Bích L ngày 22/4/2008 tại thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. Về chi phí xem xét thẩm định: Căn cứ các điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng).

***3. Về án phí*:** Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/0216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bà Vũ Thị Bích L và ông Lê Thái T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.518.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh thị xã Gia Nghĩa số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.817.000đ (ba triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0004158 ngày 31/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến